

Bản án số: 78/2022/KDTM-ST

Ngày: 27-9-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST- KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ trụ sở chính: Số 28C-28D phố B, phường H, quận K, Thành phố N;

Người đại hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Mỹ L; địa chỉ: Số 175 đường C, Phường X, Quận Y, Thành phố H. Theo giấy ủy quyền số 129/2021/UQ-NCB, ngày 29/11/2021; (có đơn đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH B; địa chỉ trụ sở chính: Số 12, đường Q, khu dân cư M, Phường N, quận G, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Tất P – chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: A2-1803 chung cư O, phường B, quận Đ, Thành phố H. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hồng T, sinh năm 1966

Địa chỉ: số 47/5 đường K, phường H, quận T, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/02/2017, Ngân hàng A và Công ty TNHH B có ký kết Hợp đồng cho vay số: 127/17/HĐCV/101-59. Số tiền vay: 513.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm mười ba triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất kỳ đầu tiên: 8,5%/năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, được áp dụng với nợ gốc quá hạn (bao gồm cả nợ gốc cho phần lãi chậm trả) Mục đích sử dụng vốn là mua xe ô tô tải nhãn hiệu Ford Ranger màu trắng, mới 100%, theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 113/BTF-HĐMB/17 ngày 20/01/2017 giữa Công ty TNHH B và Công ty cổ phần C.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Công ty TNHH B đã ký Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 110/2017/HĐTC/101-59 ngày 22/02/2017 với Ngân hàng A, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/02/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh. Tài sản thế chấp là xe ô tô hãng Ford; Số loại: Ranger; Loại xe: Ô tô tải Pick up, cabin kép; Màu sơn: Trắng; Số khung: FF80HW672717; Số máy: P4AT2361978; Biển số: 51C-885.67; Chủ sở hữu: Công ty TNHH B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 244443 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH B mới thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 288.526.958 (Hai trăm tám mươi tám triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm năm mươi tám) đồng (Trong đó nợ gốc là 205.200.000 đồng, lãi trong hạn là 82.929.186 đồng, lãi quá hạn là 397.772 đồng)

Kể từ ngày 25/7/2019 đến nay, Công ty TNHH B đã vi phạm các thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng tín dụng, không thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A. Tính đến ngày 27/9/2022, Công ty TNHH B nợ Ngân hàng A với tổng số tiền là 508.478.847 (Năm trăm lẻ tám triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi bảy) đồng, gồm: Nợ gốc : 307.800.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 56.999.167 đồng, Nợ lãi quá hạn: 117.392.391 đồng, Nợ chậm trả lãi : 26.287.290 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp buộc Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/9/2022 là 508.478.847 (Năm trăm lẻ tám triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi bảy) đồng và tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi) kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi Công ty TNHH B trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Nếu Công ty TNHH B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 110/2017/HĐTC/101-59 ngày 22/02/2017 với Ngân hàng A. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ

quan Thi hành án dân sự xác minh, kê biên, xử lý tài sản khác của Công ty TNHH B để thu hồi các khoản nợ còn lại. Nay, Ngân hàng A yêu cầu Tòa buộc Công ty TNHH B phải trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền trên làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập họp lệ nhưng vẫn không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và nộp các chứng cứ, tài liệu kèm theo hoặc có mặt tại Tòa án để có ý kiến, tham gia hoà giải.

Tại phiên Tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp :

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Về người tham gia tố tụng: chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS năm 2015.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục:*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là Công ty TNHH B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện ghi ngày 29/11/2021 của Ngân hàng A thì đây là tranh chấp về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng tín dụng và là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 21/12/2021 của Công an Phường 10, quận Gò Vấp thì Công ty TNHH B không còn hoạt động tại địa chỉ số 12, đường Q, khu dân cư M, Phường N, quận G, Thành phố H. Theo Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 10/01/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH B có đăng ký trụ sở hoạt động tại số 12, đường Q, khu dân cư M, Phường N, quận G, Thành phố H. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Đối với yêu cầu của Ngân hàng A, hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 22/02/2017, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng tín dụng số: 127/17/HĐCV/101-59, với nội dung Ngân hàng A cho Công ty TNHH B vay số tiền 513.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm mười ba triệu đồng), thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất kỳ đầu tiên: 8,5%/năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, được áp dụng với nợ gốc quá hạn (bao gồm cả nợ gốc cho phần lãi chậm trả). Mục đích sử dụng vốn là mua xe ô tô tải theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 113/BTF-HĐMB/17 ngày 20/01/2017 giữa Công ty TNHH B và Công ty cổ phần C.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Công ty TNHH B đã ký Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 110/2017/HĐTC/101-59 ngày 22/02/2017 với Ngân hàng A, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/02/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh. Tài sản thế chấp là xe ô tô hãng Ford, chủ sở hữu là Công ty TNHH B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 244443 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2017.

Theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng; còn bị đơn trong quá trình thực hiện hợp đồng đã thanh toán được tổng cộng số tiền 288.526.958 (Hai trăm tám mươi tám triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm năm mươi tám) đồng (Trong đó nợ gốc là 205.200.000 đồng, lãi trong hạn là 82.929.186 đồng, lãi quá hạn là 397.772 đồng). Tuy nhiên, kể từ ngày 25/7/2019 đến nay, bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại mặc dù đã được nguyên đơn nhắc nhở, tạo điều kiện.

Căn cứ Điều 7 Hợp đồng cho vay số 127/17/HĐCV/101-59 ngày 22/02/2017; HĐ thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số

110/2017/HĐTC/101-59 ngày 22/02/2017 thì tài sản dùng để thế chấp bảo đảm cho khoản vay trên là xe ô tô hãng Ford, chủ sở hữu là Công ty TNHH B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 244443 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2017. Căn cứ Điều 4 về xử lý tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 110/2017/HĐTC/101-59 ngày 22/02/2017 thì ngân hàng được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ một phần hoặc toàn bộ các khoản phải trả, nếu khi đến hạn trả nợ mà bên Công ty TNHH B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản phải trả của mình đối với ngân hàng theo quy định trong hợp đồng tín dụng.

Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ về số tiền phải thanh toán và thời hạn thanh toán theo quy định tại tiêu mục 8.1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 508.478.847 (Năm trăm lẻ tám triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi bảy) đồng, gồm: Nợ gốc là 307.800.000 đồng, Nợ lãi trong hạn là 56.999.167 đồng, Nợ lãi quá hạn là 117.392.391 đồng, Nợ chậm trả lãi là 26.287.290 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 110/2017/HĐTC/101-59 ngày 22/02/2017, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/02/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Về thời hạn trả nợ: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần phải buộc Công ty TNHH B có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận nên Công ty TNHH B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.339.153 đồng. Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng A là 11.050.914 đồng theo biên lai tạm nộp án phí số 0047384 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 147, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

Buộc Công ty TNHH B phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 127/17/HĐCV/101-59 ngày 22/02/2017, tổng cộng là 508.478.847 (Năm trăm lẻ tám triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi bảy) đồng. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Công ty TNHH B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô hãng Ford; Số loại: Ranger; Loại xe: Ô tô tải Pick up, cabin kép; Màu sơn: Trắng; Số khung: FF80HW672717; Số máy: P4AT2361978; Biển số: 51C-885.67; Chủ sở hữu: Công ty TNHH B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 244443 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2017 theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 110/2017/HĐTC/101-59 ngày 22/02/2017, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/02/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.339.153 đồng.

Ngân hàng A không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.050.914 đồng theo biên lai tạm nộp án phí số 0047384 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương